

Số: 17/2020/QĐST-HNGĐ

N Đ, ngày 15 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1981.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* (Không có yêu cầu độc lập):

+ Ngân hàng chính sách xã hội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng chính sách xã hội: Ông Đặng Văn T, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam: Ông Trần Công Ph, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện N Đ, Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn Ph.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị H có 03 người con chung tên Nguyễn Mạnh Ph, sinh ngày 02/8/1999, Nguyễn Thị Hoa H, sinh ngày 26/3/2001 và Nguyễn Thị Hoa H1, sinh ngày 15/02/2013.

Hiện nay cháu Nguyễn Mạnh Ph, cháu Nguyễn Thị Hoa H đã trưởng thành, có khả năng lao động nên ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Hoa H1 thì ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị H thỏa thuận: Giáo cháu Nguyễn Thị Hoa H1 cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con Nguyễn Thị Hoa H1 một tháng số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi người con Nguyễn Thị Hoa H1 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay người con Nguyễn Thị Hoa H1 đang sống với bà Lê Thị H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị H có tài sản chung, nhưng không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ về tài sản chung:

+ Đối với số tiền nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N Đ, Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị H và đại diện Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N Đ, Thừa Thiên Huế thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận: Tính đến ngày 07/12/2020, ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N Đ, Thừa Thiên Huế số tiền gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi 284.795 đồng. Bà Lê Thị H nhận là người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N Đ, Thừa Thiên Huế số tiền gốc 45.000.000 đồng và tiền lãi 284.795 đồng. Đối với số tiền lãi từ ngày 08/12/2020 trở về sau thì bà Lê Thị H cũng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền nợ.

+ Đối với số tiền nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế: Ông Nguyễn Văn Ph, bà Lê Thị H và đại diện Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận: Tính đến ngày 07/12/2020, ông Nguyễn Văn Ph và bà Lê Thị H còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi 164.000 đồng. Ông Nguyễn Văn Ph nhận là người có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền gốc 39.000.000 đồng và tiền lãi 164.000 đồng. Đối với số tiền lãi từ ngày 08/12/2020 trở về sau, ông Nguyễn Văn Ph cũng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế cho đến khi hết số tiền nợ.

- Về án phí: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn Ph thỏa thuận:

+ Bà Lê Thị H phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 008272 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N Đ, tỉnh Thừa

Thiên Huế. Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị H không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N Đ, Thừa Thiên Huế.

+ Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

+ Ông Nguyễn Văn Ph không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện N Đ;
- Chi cục THADS huyện NĐ;
- UBND xã H, huyện N Đ;
- (Đăng ký kết hôn ngày 12/8/2006).
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú